



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN CÀ MAU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN CÀ MAU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

MA-S.L.0.0
0.0

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2013	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Sản Cà Mau (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Thủy Sản Cà Mau được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 613000035 ngày 21 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 12 tháng 02 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 là 97.485.790.000 đồng.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có đầu tư vào 02 công ty con:

- Công ty cổ phần Thủy sản An Phước
- Seaprimexco, USA, INC

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 gồm:

- XI nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới.
- XI nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi.
- XI nghiệp chế biến thủy sản Sông Đốc.
- Trạm thu mua hàng thủy sản Đầm Dơi II.

2. THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Bùi Nguyễn Khánh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Khánh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Đức	Thành viên
Ông Ngô Kinh Lý	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10/05/2013)
Ông Bùi Thế Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Huy	Thành viên
Ông Huỳnh Nhật Vũ	Thành viên
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Huỳnh Văn Út	Trưởng ban
Ông Trần Trọng Tài	Thành viên
Ông Nguyễn Viết Luận	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Bùi Nguyên Khánh	Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tô Tân Hoài	Phó Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

6. CAM KẾT CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng nợ ngắn hạn của Tập đoàn vượt quá tài sản ngắn hạn là 214.241.086.265 đồng và lỗ lũy kế vượt quá vốn chủ sở hữu là 68.700.129.482 đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn phụ thuộc hoạt động kinh doanh có lãi và việc tiếp tục tài trợ, hỗ trợ của các chủ đầu tư, ngân hàng và khách hàng trong tương lai. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư, ngân hàng và khách hàng sẽ không tiếp tục tài trợ tài chính để Tập đoàn có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính đính kèm vẫn được soạn thảo trên cơ sở giả định Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Cà Mau, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



BUI NGUYỄN KHÁNH



Số: 14.326/BCKTHN-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị**
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 10 tháng 03 năm 2014 từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

(Phần tiếp theo trang 5)



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Ở đây chúng tôi không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên, mà chỉ muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính vấn đề sau: Như được trình bày tại mục 4.14 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, tổng nợ ngắn hạn của Tập đoàn vượt quá tài sản ngắn hạn là 214.241.086.265 đồng và lỗ lũy kế vượt quá vốn chủ sở hữu là 68.700.129.482 đồng. Vấn đề này đã làm phát sinh mối quan tâm về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư, ngân hàng và khách hàng sẽ không tiếp tục tài trợ, hỗ trợ tài chính để Tập đoàn có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, báo cáo tài chính này không phản ánh bất kỳ khoản điều chỉnh nào có thể phát sinh từ kết quả của sự việc không chắc chắn nêu trên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

HỒ NGỌC BẢO

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2136-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		210.135.500.426	177.297.099.623
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	1.988.431.623	941.311.713
1. Tiền	111		1.988.431.623	941.311.713
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	(5.2)	78.162.571.566	14.090.796.534
1. Phải thu khách hàng	131		77.947.756.403	13.972.216.577
2. Trả trước cho người bán	132		467.280.571	364.950.774
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		741.478.139	508.610.938
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(993.943.547)	(754.981.755)
IV. Hàng tồn kho	140	(5.3)	119.403.188.747	159.544.377.911
1. Hàng tồn kho	141		120.764.293.065	159.544.377.911
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.361.104.318)	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.581.308.490	2.720.613.465
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		250.375.070	333.396.001
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.000.240.789	2.200.535.664
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		139.170.831	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		191.521.800	186.681.800

(Phần tiếp theo trang 07)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		221.334.485.866	241.779.573.307
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		216.463.476.407	233.974.184.764
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.4)	202.297.000.810	219.781.320.583
+ Nguyên giá	222		290.490.872.246	294.845.338.944
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(88.193.871.436)	(75.064.018.361)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227	(5.5)	13.892.824.610	14.146.591.281
+ Nguyên giá	228		14.755.567.319	14.755.567.319
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(862.742.709)	(608.976.038)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		273.650.987	46.272.900
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	(5.6)	40.692.261.006	
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(40.692.261.006)	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.871.009.459	7.805.388.543
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.7)	3.810.539.384	6.758.498.118
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.060.470.075	1.046.890.425
V. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		431.469.986.292	419.076.672.930

CÔNG TY CỔ PHẦN THÙY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		500.170.115.775	431.785.467.550
I. Nợ ngắn hạn	310		424.376.586.691	344.173.851.290
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.8)	310.865.091.296	268.194.475.979
2. Phải trả người bán	312	(5.9)	26.465.031.751	34.421.356.046
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.9)	442.785.000	745.089.465
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		52.790.890	262.481.467
5. Phải trả người lao động	315		5.529.333.327	5.177.731.235
6. Chi phí phải trả	316	(5.10)	73.693.166.486	28.803.166.863
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.11)	4.518.064.896	5.532.356.439
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.12)	2.810.323.045	1.037.193.796
II. Nợ dài hạn	330		75.793.529.084	87.611.616.260
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.120.000.000	1.120.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.13)	74.673.529.084	86.491.616.260
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(68.700.129.482)	(16.858.217.603)
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.14)	(68.700.129.482)	(16.858.217.603)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		97.485.790.000	97.485.790.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		33.020.472.000	33.020.472.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(18.676.666.000)	(18.676.666.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		327.515.686	306.080.111
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(180.857.241.168)	(128.993.893.714)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỘ ĐỒNG THIỂU SỐ	439			4.149.422.983
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		431.469.986.292	419.076.672.930

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		23.886,74	14.513,54
+ EUR		214,28	259,76
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

NGƯỜI LẬP BIỂU



TRẦN TRỌNG TÀI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN HỒNG PHƯỢNG

Cà Mau, ngày 10 tháng 3 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC



BÙI NGUYỄN KHÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		663.625.087.123	574.033.589.434
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.624.162.094	8.121.352.677
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	658.000.925.029	565.912.236.757
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	602.100.629.006	517.172.043.987
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		55.900.296.023	48.740.192.770
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	2.256.221.555	2.393.096.276
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	60.088.777.522	62.534.594.837
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		59.316.568.258	62.285.578.262
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	23.101.448.077	23.560.268.978
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	19.803.089.614	22.812.816.227
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(44.836.797.635)	(57.774.390.996)
11. Thu nhập khác	31	(6.7)	2.163.610.081	3.671.696.953
12. Chi phí khác	32	(6.8)	2.256.634.613	404.061.391
13. Lợi nhuận khác	40		(93.024.532)	3.267.635.562
14. Phần lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		(44.929.822.167)	(54.506.755.434)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		(44.929.822.167)	(54.506.755.434)
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		(3.014.602.732)	(5.668.051.932)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		(41.915.219.435)	(48.838.703.502)
19. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80	(5.14.4)	(4.583)	(5.340)

NGƯỜI LẬP BIỂU



TRẦN TRỌNG TÀI

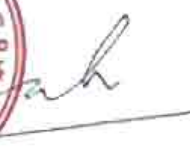
KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN HỒNG PHƯỢNG

Cà Mau, ngày 10 tháng 3 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC

BÙI NGUYỄN KHÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(44.929.822.167)	(54.506.755.434)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		14.320.076.451	15.796.863.203
Các khoản dự phòng	03		1.600.066.110	
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		152.131.264	(20.879.460)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(179.107.361)	(682.600.207)
Chi phí lãi vay	06		59.316.568.258	62.285.578.262
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		30.279.912.555	22.872.206.364
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(65.204.097.818)	33.555.562.950
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		40.407.695.524	(7.974.069.456)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(12.007.961.359)	19.074.937.301
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(470.786.397)	4.132.701.296
Tiền lãi vay đã trả	13		(22.121.826.824)	(38.062.016.856)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(235.636.226)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		100.000.000	592.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(100.000.000)	(1.202.041.199)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(29.352.700.545)	32.989.280.400
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(741.080.787)	(1.219.763.146)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		428.043.656	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		176.380.088	682.600.207
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(136.657.043)	(537.162.939)

(Phần tiếp theo trang 12)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.037.894.354.752	996.438.814.152
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.007.446.374.032)	(1.034.802.257.350)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		30.447.980.720	(38.363.443.198)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		958.623.132	(5.911.325.737)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		941.311.713	6.777.236.151
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		88.496.778	75.401.299
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.988.431.623	941.311.713

NGƯỜI LẬP BIỂU



TRẦN TRỌNG TÀI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG

Cà Mau, ngày 10 tháng 3 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC



BÙI NGUYỄN KHÁNH